TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HS-ST
Ngày 11-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt C**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Ma Quốc T**.

2. Ông **Trần Hữu L**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Bùi Trần Thị Minh H** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc A** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2023 đối với:

Bị cáo: **TRẦN VĂN B** – Sinh ngày: 27-12-1989 tại huyện S, tỉnh T.

Nơi cư trú: Thôn CL, xã ĐP, huyện S, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, Đ thể: Không; Con ông: Trần Văn Quyền (đã chết); Con bà: Trần Thị Tạ - Sinh năm: 1952; Vợ: Nguyễn Thị Thủy – Sinh năm: 1987; Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo Trần Văn B đang tại ngoại theo Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn: 53/2022/HSST-QĐTG ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh T. Có mặt.

Bị hại: Anh **Nguyễn Quang H** – Sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn TĐ, xã TT, huyện S, tỉnh T. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh **Trần Văn Đ** – Sinh năm: 1984; Địa chỉ: Thôn CL, xã ĐP, huyện S, tỉnh T. Có mặt.

- Anh **Điền Văn T1** – Sinh năm: 1983; Địa chỉ: Tổ dân phố BĐ, phường NT, thành phố NB, tỉnh NB. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông **Nguyễn Văn D** – Sinh năm: 1973; Địa chỉ: Xóm 1, xã PX, huyện ĐT, tỉnh Thái N. Có mặt.

- Ông **Chử Văn Đ1** – Sinh năm: 1978; Địa chỉ: Khu Chợ, xã Vân Nội, huyện Đ1 Anh, thành phố Hà Nội. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Anh **Trần Văn T2** – Sinh năm: 1984; Địa chỉ: Số 04, phố Phong Sơn, phường Nam Bình, thành phố NB, tỉnh NB. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh T**; Địa chỉ: Số 182 Nguyễn Văn Cừ, phường Minh Xuân, thành phố T, tỉnh T. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Phạm Đức T3** – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh. *Người được ủy quyền tham gia tố tụng:* Ông **Dương Tuấn N** – Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7-2019, bị cáo Trần Văn B có nhu cầu mua xe ô tô để làm ăn, nên đã liên hệ cửa hàng bán xe ô tô tại T mua 01 xe ô tô tải nhãn hiệu TMT, màu xanh (loại 2 tấn), biển số đăng ký 22C-066.82 với giá 230.000.000 đồng. Do bị cáo B chỉ có 80.000.000 đồng tiền mặt và không hợp tuổi, nên bị cáo B đã nhờ anh trai là anh Trần Văn Đ đứng tên đăng ký xe ô tô và ký hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh T, tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô trên (theo Hợp đồng số 947/2019-HĐCV/NHCT174/PBL ngày 29-10-2019 giữa Ngân hàng với anh Trần Văn Đ và bị cáo Trần Văn B). Sau khi ký kết hợp đồng vay tiền, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh T đã giải ngân và lưu giữ bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016382 mang tên Trần Văn Đ do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T cấp ngày 28-10-2019. Bị cáo B là người trực tiếp sử dụng xe ô tô trên và là người trả tiền lãi, tiền gốc cho Ngân hàng.

Khoảng tháng 6-2021, do tình hình dịch bệnh Covid-19 không làm ăn được, nên bị cáo B nảy sinh ý định bán chiếc xe ô tô trên. Nhưng do Ngân hàng đang giữ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016382 (bản gốc) nên bị cáo B vào mạng xã hội đặt mua 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016382 giả mang tên Trần Văn Đ với giá 1.500.000 đồng. Ngày 01-7-2021, bị cáo B nhận được 01 Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016382 giả mang tên Trần Văn Đ từ một nhân viên giao hàng (Không xác định được người và công ty giao hàng).

Ngày 02-7-2021, bị cáo B liên hệ với anh Nguyễn Quang H làm nghề mua bán xe ô tô tại xã Sơn Nam, huyện S, tỉnh T. Anh H và bị cáo B thoả T3 giá mua bán chiếc xe ô tô trên là 92.500.000 đồng. Bị cáo B đồng ý, giao xe và đưa cho anh H 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016382 giả; 01 Giấy chứng nhận kiểm định; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm. Anh H chuyển 40.000.000 đồng vào tài khoản của bị cáo B và đưa cho bị cáo B 52.500.000 đồng tiền mặt. Khi

đưa Giấy chứng nhận đăng ký cho anh H, bị cáo B không nói là giấy tờ giả, anh H cũng không biết Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016382 là giả.

Trong ngày 02-7-2021, anh H đã bán lại chiếc xe ô tô trên cho ông Nguyễn Văn D với giá 103.000.000 đồng và đưa các giấy tờ (bị cáo B giao) cho ông D. Sau khi mua được chiếc xe ô tô trên, ông D bán lại cho ông Chử Văn Đ1 với giá 110.000.000 đồng.

Ngày 08-7-2021, ông Đ1 bán lại chiếc xe ô tô trên cho anh Điền Văn T1 với giá 122.000.000 đồng. Sau đó, anh T1 giao chiếc xe và các giấy tờ xe cho anh Trần Văn T2 để sử dụng chở biển quảng cáo đi lắp đặt công trình phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Ngôi Sao NB của gia đình anh T1.

(Việc mua bán lại chiếc xe ô tô về sau này giữa anh H, ông D, ông Đ1, anh T1 đều không biết Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016382 là giả).

Ngày 12-6-2022, anh T2 điều khiển chiếc xe ô tô trên chở biển quảng cáo đi đến địa phận huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội thì bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội kiểm tra, nghi Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016382 là giả nên đã tạm giữ xe ô tô và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016382 để làm rõ theo quy định.

Đến ngày 27-6-2022, bị cáo Trần Văn B và anh Trần Văn Đ đã tất toán khoản vay cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh T và được Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016382 (bản gốc).

Tại Kết luận giám định số: 5915/KL-KTHS ngày 30-8-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: "Chứng nhận đăng ký xe ô tô" số 016382; tên chủ xe Trần Văn Đ - 1984; Địa chỉ: CL, ĐP, S, Tquang; nhãn hiệu TMT, màu sơn xanh; số máy QQ171042138D; số khung 820TH1A00418; BKS 22C-066.82, ngày cấp 28/10/2019 ***là chứng nhận đăng ký xe ô tô giả***.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 15/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 25-02-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S, tỉnh T kết luận: Tính đến thời điểm tháng 7/2021, giá trị còn lại của xe ô tô nhãn hiệu TMT, biển kiểm soát 22C-066.82, màu sơn xanh là 169.571.000 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn đồng).

Tại cáo trạng số: 52/CT-VKSSD ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Văn B về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T thực hành quyền công tố, có quan điểm giữ N quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Văn B. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh T đề nghị với HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Trần Văn B phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm d khoản 2 Điều 341 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn B từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Xử phạt bị cáo Trần Văn B từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Văn B chấp hành hình phạt chung của 02 tội là từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Trần Văn B đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Quang H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trần Văn Đ, ông Nguyễn Văn D, ông Chử Văn Đ1, anh Điền Văn T1, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh T không yêu cầu bị cáo Trần Văn B bồi thường về phần trách nhiệm dân sự nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Điền Văn T1:

- 01 Xe ô tô nhãn hiệu TMT biển số đăng ký: 22C-066382, số khung: 820TH1AA00418, số máy: QQ171042138D, xe cũ đã qua sử dụng.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016382 (bản gốc).

Tiếp tục lưu trữ tài liệu, giấy tờ giả theo hồ sơ vụ án:

01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016382 (bản giả).

Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận tại phiên tòa: Bị cáo Trần Văn B; bị hại anh Nguyễn Quang H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trần Văn Đ, ông Nguyễn Văn D nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên đưa ra tại phiên tòa.

Quyền của bị cáo được nói lời sau cùng: Bị cáo Trần Văn B đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn B đã khai nhận T2 bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo Trần Văn B khai phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp Kết luận giám định, Kết luận định giá và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 02-7-2021, tại thôn CL, xã ĐP, huyện S, tỉnh T, bị cáo Trần Văn B đã có hành vi sử dụng 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016382 của xe ô tô biển số đăng ký 22C-066.82 mang tên Trần Văn Đ là giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, để lừa bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu TMT, màu xanh, biển số đăng ký 22C-066.82 đang là tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh T (xe ô tô có một phần tiền của bị cáo B, một phần thế chấp vay tiền của Ngân hàng và nhờ anh trai là anh Trần Văn Đ đứng tên đăng ký xe) cho anh Nguyễn Quang H để chiếm đoạt số tiền 92.500.000 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi vi phạm pháp luật với lỗi cố ý. Vì mục đích vụ lợi cá nhân, bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo đã có hành vi sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả và bán xe ô tô đang được thế chấp cho Ngân hàng cho anh H để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại số tiền 92.500.000 đồng. Hành vi này của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn B phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm d khoản 2 Điều 341 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn B thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bố đẻ của bị cáo là ông Trần Văn Quyền được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng 2 (thanh niên xung phong chiến đấu tại Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào) do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn B không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy bị cáo Trần Văn B làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội: Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn B là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính cơ quan Nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác và tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình, làm mất trật tự an ninh xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân tại địa phương nói riêng và xã hội nói chung. Như vậy, thể hiện bị cáo rất coi

thường pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng cần lên một mức án nghiêm minh, phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả mà bị cáo đã gây ra và cách ly bị cáo trong trại cải tạo một thời gian để bị cáo tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân có ích cho xã hội, góp phần đảm bảo an ninh trật tự cũng như phòng ngừa tội phạm trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Quang H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trần Văn Đ, ông Nguyễn Văn D, ông Chử Văn Đ1, anh Điền Văn T1, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh T không yêu cầu bị cáo Trần Văn B bồi thường về phần trách nhiệm dân sự nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[7] Về vật chứng:

- Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Đội Cảnh sát giao thông, trật tự Công an huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội thu giữ của anh Trần Văn T2 theo Biên bản Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số: 000084/BB-TG ngày 12-6-2022. Qua giám định kết luận, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trên không phải do Cơ quan nhà nước, tổ chức có thẩm quyền cấp nên cần tiếp tục lưu trữ vật chứng nói trên theo hồ sơ vụ án.

Tiếp tục lưu trữ tài liệu, giấy tờ giả theo hồ sơ vụ án:

01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016382 (Giấy tờ giả).

- Đối với chiếc xe ô tô tải biển số đăng ký 22C-066.82. HĐXX xét thấy, Quá trình điều tra, xác định được, khi anh H mua xe ô tô của bị cáo B không biết Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô là giấy tờ giả. Việc mua bán lại chiếc xe ô tô về sau này giữa anh H, ông D, ông Đ1, anh T1 đều không biết Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016382 là giả. Quá trình mua bán, các bên đã thực hiện thanh toán tiền, bàn giao xe đầy đủ. Ngày 27-6-2022, bị cáo B và anh Đ cũng đã tất toán xong khoản vay với Ngân hàng nên hiện tại, chiếc xe không còn là tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng. Bị cáo B, anh Đ đều có quan điểm, giao chiếc xe ô tô trên cho anh T1 (do anh T1 là người mua cuối cùng). Anh T1 có quan điểm đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe cho mình. Do vậy, xác định anh T1 là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe ô tô biển số đăng ký 22C-066.82 và trả lại chiếc xe ô tô này cho anh T1 là có căn cứ.

- Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do anh Trần Văn Đ giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 28-9-2022. HĐXX xét thấy, sau khi tất toán khoản vay cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh T, Ngân hàng đã trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản gốc) cho anh Đ và bị cáo B. Từ những nhận định trên, xác định anh T1 là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe ô tô biển số đăng ký 22C-066.82. Do vậy, cần trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản gốc) này cho anh T1 quản lý, sử dụng là có căn cứ.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Điền Văn T1:

- 01 xe ô tô tải nhãn hiệu TMT, màu xanh, biển số đăng ký 22C-066.82.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016382 (bản gốc).

Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn B phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về hành vi tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn với bị can, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Các vấn đề khác:

- Đối với người làm Giấy chứng nhận đăng ký giả cho bị cáo B do không xác định được nên không có căn cứ để điều tra xử lý.

- Đối với anh Trần Văn Đ là người đứng tên đăng ký chiếc xe cho bị cáo B, không bị thiệt hại gì, không có yêu cầu đề nghị gì nên không đề cập xử lý.

- Đối với anh Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Văn D, ông Chử Văn Đ1, anh Điền Văn T1 không biết giấy chứng nhận đăng ký xe số 016382 (do bị cáo B đưa) là tài liệu giả, việc mua bán xe là ngay tình nên không đề cập xử lý.

- Đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh T không biết việc bị cáo Trần Văn B sử dụng giấy đăng ký xe ô tô giả tự ý bán chiếc xe ô tô là tài sản thế chấp. Ngày 27-6-2022, bị cáo B đã tất toán xong khoản vay nợ, nên không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Đối với hành vi của anh Trần Văn T2, ngày 12-6-2022 điều khiển chiếc xe ô tô trên không có Giấy phép lái xe, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T đã chuyển hồ sơ, tài liệu đến Công an huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội để xử lý vi phạm hành chính theo quy định nên không đề cập xử lý. Ngày 05-5-2023, Công an huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội đã ban hành Công văn số: 906/CATO-CSGT,TT nội dung: Đã bàn giao vụ việc cho Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội đều điều tra theo quy định. Do vậy, không đề cập xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm d khoản 2 Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Điều 21; khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Văn B **02** (**hai**) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Xử phạt bị cáo Trần Văn B **03** (**ba**) năm **03** (**ba**) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Văn B chấp hành hình phạt chung của 02 tội là **05** (**năm**) năm **03** (**ba**) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Trần Văn B đi chấp hành án.

Về vật chứng:

Tiếp tục lưu trữ tài liệu, giấy tờ giả theo hồ sơ vụ án:

01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016382 (Giấy tờ giả).

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Điền Văn T1:

- 01 Xe ô tô nhãn hiệu TMT biển số đăng ký: 22C-066382, số khung: 820TH1AA00418, số máy: QQ171042138D, xe cũ đã qua sử dụng.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016382 (bản gốc).

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh T).

Về án phí:

Buộc bị cáo Trần Văn B phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Trần Văn B; Bị hại anh Nguyễn Quang H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trần Văn Đ, ông Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 11-5-2023).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Chử Văn Đ1, anh Điền Văn T1, anh Trần Văn T2; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam –

Chi nhánh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện S;
- VKSND tỉnh T;
- Công an huyện S;
- Tòa án nhân dân tỉnh T;
- Sở tư pháp tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hs, hstha, vp.

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Việt C